

Bản án số: 05/2020/HSST
Ngày: 19/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 100/2020/HSST ngày 11/11/2020, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Trung H, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trung K, sinh năm 1947 và mẹ Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Bị cáo có 04 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, bị can là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ là Võ Thị Thu T; sinh năm 1994. Bị cáo có 01 người con sinh năm: 2017.

Tiền sự: Không; Tiền án: 01, ngày 08/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 98A/2015/HSST.

Nhân thân: Ngày 04/02/2013, Hoàng Trung H bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng 24 ngày theo Bản án số: 31/2013/HSPT.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2018 đến ngày 28/9/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; Từ ngày 23/11/2018 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam đến ngày 31/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Đặt tiền để bảo đảm; Từ ngày 12/10/2020 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

2. Mai Văn X, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: Mai Thanh C, sinh năm 1971, mẹ Phạm Thị A, sinh năm 1970. Bị cáo có 03 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con lớn thứ 2 trong gia đình.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2018 đến ngày 24/3/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Có mặt).

3. Hoàng Trung S, sinh năm: 1997, tại Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Cha: Hoàng Thanh D, sinh năm 1976 và mẹ Võ Thị P, sinh năm 1976. Bị cáo có 02 anh, em ruột, nhỏ nhất sinh năm 2009, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Vợ là Lê Thị Kim Q; sinh năm 1997. Bị cáo có 01 người con sinh năm: 2017. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2018 đến ngày 24/3/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Có mặt).

4. Ưng Văn W, sinh ngày 29/01/2001, tại Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Cha là Ưng Văn E (đã chết), mẹ là PH Thị R, sinh năm 1965; Bị cáo có 5 anh, em ruột, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con lớn thứ 4 trong gia đình. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2018 đến ngày 24/3/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

5. Bùi Chí L, sinh năm: 1997, tại Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Cha là Bùi Xuân Y, sinh năm 1953 và mẹ là Vũ Thị Đ, sinh năm 1956; Bị cáo có 04 chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Trung H và bào chữa chỉ định cho bị cáo Ưng Văn W:* Ông Nguyễn Thành Thi – Là luật sư Công ty Luật Nguyễn Thi/ Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Trung S và Mai Văn X:* Ông Nguyễn Thành Khuyến – Là luật sư Văn phòng luật sư Bùi Gia Nền - Đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- **Bị hại:**

1. Ông Trần Minh U, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp J, xã B, h. M, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Võ Hồng Vân, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện S, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú tại: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Nguyễn Văn I , sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Z, xã H, huyện X, tỉnh Bến Tre.
Tạm trú tại: Thôn 3, xã S, huyện B, tỉnh Bình Phước.
4. Anh Lê Văn D, sinh năm 1996 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn F, xã Q, huyện W, tỉnh Bình Phước.
Tạm trú tại: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
 1. Trần Thị W J, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước.
Tạm trú tại: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 2. Võ Thị Thu T, sinh năm 1994 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu V, TT. R, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 3. Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1962 (vắng mặt).
HKTT: Thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- **Người làm chứng:**
 1. Lê Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: Đường A Tiên, P. L, Q. C, Tp. Hà Nội.
Tạm trú tại: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 2. Lê Thanh Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Xã Q, huyện F, tỉnh Hà Nam
Tạm trú tại: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 3. Lê Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Phường Z, Quận C, thành phố Hà Nội.
Tạm trú tại: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 4. Nguyễn Thanh A, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Phường S, Quận Q, thành phố Hà Nội.
Tạm trú tại: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 5. Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp D, xã T, TX. O, t. Bình Phước.
Tạm trú tại: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 6. Mai Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn X, huyện R, tỉnh Bình Phước.
 7. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đàng P, xã E, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú tại: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 8. Lê Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn C, huyện R, tỉnh Bình Phước.
 9. Lê Văn C, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện D, tỉnh Bình Phước.
 10. Bà Ứng Thị Q (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 11. Trần Văn S, sinh năm 1992 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Bình Phước.
 12. Trần Duy A, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2017, anh Trần Minh U, anh Võ Hồng V cùng một số người dân từ các địa phương khác đến thuê đất của Nông Trường M để trồng dưa hấu. Khoảng đầu tháng 3/2018, Hoàng Trung H (H Kiên) có gặp một số chủ vườn dưa để thỏa thuận giá bảo vệ dưa nhưng giữa H và các chủ vườn dưa không thống nhất được giá bảo vệ.

Sau đó, H rủ Mai Văn X cùng bàn bạc đi bảo vệ dưa mà thực tế là uy hiếp các chủ vườn dưa phải đưa số tiền 1.000.000 đồng/01hecta, 3.000.000 đồng / 01 bãi dưa, các tài xế xe tải phải đưa số tiền là 200.000 đồng/ 01 chuyến. Nếu các chủ vườn dưa không đồng ý với giá mà H đưa ra thì đe dọa, uy hiếp bằng cách ngăn cản không cho xe tải vào bốc dưa chở đi bán, buộc chủ vườn dưa và tài xế xe tải phải đưa tiền. Nghe vậy, X đồng ý. Tiếp đó, X rủ S và W cùng tham gia thì cả hai đồng ý. Ngày 22/3/2018 anh U, anh V cùng những người trồng dưa tổ chức cắt dưa để bán cho các thương lái (người mua) ở nơi khác đến. Khoảng 11 giờ ngày 22/3/2018, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 93L1-263.24 chở W đi đến quán nước của chị Nguyễn Thị S, nơi cư trú: tổ 8, ấp P, xã D, thị xã F, tỉnh Bình Phước nằm vòng quan sát việc thu hoạch dưa. Một lúc sau, X điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 93L1-000.55 và H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 93L1-327.49 đi vào quán gặp S và W. Lúc này, có xe Ô tô tải biển kiểm soát: 29C-002.17 của anh Lê Văn T, nơi cư trú: Phường Z, quận C, thành phố Hà Nội và xe ô tô tải, biển kiểm soát: 94C-125.67 của anh Nguyễn Thanh A, nơi cư trú: Phường Q, quận C, thành phố Hà nội đang đậu chờ bốc dưa cho anh U. Thấy vậy, H nói X, S và W cùng mình đến đuổi hai xe ô tô trên ra ngoài đường không cho bốc dưa của anh U đi bán vì anh U chưa đồng ý giá tiền H đưa ra. H dên dùng tay vỗ vào tH xe nói lớn “ Biền đi hết không thẳng nào được bốc dưa ở đây hết”. Nghe vậy, anh T sợ nên điều khiển xe ra ngoài đường còn xe của anh A không đi nhưng cũng không dám bốc dưa nữa. Anh U tới gặp H hỏi sao không cho xe vào bốc dưa thì H nói chưa thỏa thuận được giá tiền là 1.000.000 đồng/1ha và 3.000.000 đồng/1 bãi dưa (nơi tập kết dưa đã cắt tại vườn) nên không cho xe vào bốc. Do anh U đã cắt số lượng dưa khoảng 120 tấn, trị giá khoảng 600.000.000 đồng, sợ không bán được dưa sẽ bị hư hỏng nên anh U buộc phải đồng ý với H giá 1.000.000 đồng/1 ha, tổng diện tích anh U trồng dưa là 26 héc ta, bãi tập kết dưa của anh U là 02 bãi. Sau khi thỏa thuận được giá tiền với anh U xong, cả nhóm quay lại vị trí xe tải của anh T và anh A. H và X nói với anh T và anh A cho xe vào bốc dưa.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày khi H, X, S và W đang ở chòi dưa của anh Mai Văn X(chủ vườn dưa) thì Bùi Chí L đi ngang qua ghé vào chơi. Tại đây, H nói L “ em có làm gì không, không thì đi bảo vệ dưa cho anh”, nghe vậy, L đồng ý.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H nói X, S, W và L đi xuống bãi dưa của anh Võ Hồng V (Ba Vân). Gặp anh Z nói “năm nay chỗ anh tính sao, chỗ khác

người ta đồng ý giá 1.000.000 đồng/ 01 ha rồi”, anh Z nói “năm ngoái 500.000đồng/1ha, năm nay lấy chú 700.000 đồng/1ha thôi”, H không đồng ý và nói với X, S, W và L đi đến bãi dưa của anh Z. Đến nơi thấy 02 xe tải đang bốc dưa lên xe, H nói: “Ngừng lại, không thằng nào được bốc dưa hết”, nghe vậy thì mấy người bốc dưa ngừng lại. Lúc này, anh U cũng có mặt ở đây. Thấy vậy, anh U đi lại nói chuyện thì H nói chưa thỏa thuận được giá với anh Z nên không cho bốc, H cũng nói vậy với anh Nguyễn Văn I(thương lái mua dưa). Anh I dùng điện thoại di động gọi cho anh Z nói chuyện rồi đưa điện thoại cho H nói chuyện với anh Z, qua điện thoại anh Z đồng ý giá tiền mà H đưa ra. Khi thỏa thuận giá tiền xong H mới tiếp tục cho bốc dưa lên xe. Tiếp đó, H dùng điện thoại di động gọi cho anh U nói “anh lo cho em 30.000.000 đồng”, anh U đồng ý và nói “để chiều anh lo”. Điện thoại cho anh U xong, tất cả đi về chòi của anh Mai Văn X Tại chòi anh Mai Văn X, H điện thoại cho anh U nói mang tiền lại chòi của anh X cho H. Khoảng 15 phút sau, anh U mang tiền lại chòi của anh X, trong chòi có anh X (chủ vườn dưa), H, X, S, W và L. Tại đây, anh U nói với H “anh đi mượn nhưng không đủ tiền chỉ được có 25.000.000đ thôi”, nói xong anh U để tiền xuống tấm phản ở chòi của anh X rồi anh X cầm tiền đưa cho H. Lấy tiền xong, H, X, S, W và L đi ra các bãi dưa một vòng rồi quay lại chòi của anh X (chủ vườn dưa) uống rượu. Trong lúc uống rượu, X nói W đi xuống vườn dưa của ông Hai Đ (cách đó khoảng 100m) để lấy tiền của tài xế. W nhờ L lấy xe của X chở đi. Đến nơi W vào gặp anh Lê Văn M, nơi cư trú: Thôn z, xã p, huyện x, tỉnh Bình Phước (tài xế xe tải đang bốc dưa) nói: “Tài xế đâu, cho xin tiền xe”, nghe vậy anh M lấy 200.000 đồng đưa cho W còn L đứng gần đó chờ. Lấy tiền xong, L chở W về lại chòi anh X uống rượu, W đưa cho X 200.000 đồng vừa lấy được của anh M. Khoảng 15 giờ 30 phút, H lấy xe đi về trước, còn L mượn xe của X chở bạn tên Z (không rõ nhân thân, lai lịch) đi về. X, W và W ngồi uống rượu tiếp, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, X cùng S và W chạy đến bãi dưa của ông Hai Đ và L cũng quay lại rồi tất cả đi lại ngã tư Nông Trường thuộc thôn 4, xã Minh Hưng) mua đồ ăn. Tại đây, X nói tất cả đi xuống bãi dưa của anh Vân gặp tài xế để lấy tiền xe. Tất cả đồng ý và cùng nhau đi xuống bãi dưa của anh Vân. Đến nơi, thấy có xe ô tô tải, biển kiểm soát: 33C-018.17 của anh Lê Văn Hải, nơi cư trú: phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và xe ô tô tải, biển kiểm soát: 34D-007.49 của anh Lê Thanh Đức, nơi cư trú: Xã Tiên Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam là xe mua dưa của anh Vân, anh W là thương lái mua dưa. Tại đây, L hỏi tài xế xe đâu thì anh W do đã gặp H cùng cả nhóm trước đó nên nói với anh Hải và anh Đức đưa tiền. Nghe vậy anh Hải đưa cho L 200.000 đồng rồi L đưa lại cho X còn anh Đức đưa cho X 150.000đồng. Lấy tiền xong cả nhóm đi về thì bị L lượng Công an bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số: 81/CTr –VKS ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Hoàng Trung H, Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ưng Văn W, Bùi Chí L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố thay đổi một phần nội dung cáo trạng về hành vi của bị cáo Bùi Chí L. Cụ thể, tại trang số 3, từ dòng 18 đến dòng 20 của Cáo trạng có nội dung “Tại đây, X nói tất cả đi xuống bãi dưa của

anh Vân gặp tài xế để lấy tiền xe. Lúc này, L mới biết việc đi bảo vệ đưa thực chất là ngăn không cho xe tải vào bốc dừa để ép buộc chủ vườn dừa và tài xế đưa tiền để chiếm đoạt” là không chính xác. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa xác định bị cáo L đã biết và tiếp nhận ý chí của H và các bị cáo khác tham gia vào việc cưỡng đoạt tài sản từ trước đó đối với bị hại Võ Hồng Vân, bị hại Trần Minh U, Lê Văn Tân và bị hại Nguyễn Văn W. Vì vậy, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Trung H, Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ưng Văn W, Bùi Chí L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Trung H từ 12 đến 15 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Mai Văn X, Hoàng Trung S, Bùi Chí L từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 54, 58, 65; Khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Ưng Văn W từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tuyên trả lại cho anh Lê Văn Tân số tiền 200.000đồng; trả lại cho anh Nguyễn Văn W số tiền 350.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số Imei 356232049452070 và 01 sim điện thoại di động Viettel số sim 8984048000005372316 của bị cáo Hoàng Trung H là phương tiện phạm tội, giá trị thấp nên đề nghị tịch tiêu hủy;

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ưng Văn W, Bùi Chí L bồi thường cho các bị hại số tiền 4.000.000đ; mỗi bị hại được nhận số tiền bồi thường là 1.000.000đ.

Về số tiền bị cáo nộp bảo đảm, nhận thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H bác bỏ X bộ tài liệu, chứng cứ mà bà Ninh cung cấp; các tài liệu phía bà Ninh cung cấp cho cơ quan điều tra là do bà Ninh thực hiện, cung cấp không phải do ý chí của bị cáo H; Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo số tiền trên.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Trung H và bào chữa chỉ định cho bị cáo Ưng Văn W trình bày: Không tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo chỉ đề nghị xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại khi phạm tội bị cáo W là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo W được hưởng án treo; đề nghị tuyên trả cho bị cáo số tiền đã nộp bảo đảm vì bị cáo không bỏ trốn, không vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ đã cam đoan.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Trung S và Mai Văn X trình bày: Không tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo; Các bị cáo phạm tội lần

đầu, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thật sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; Ngoài ra, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo H đề nghị hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo số tiền nộp bảo đảm vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các tài liệu bà Nguyễn Thị Ninh cung cấp không phải theo ý chí của bị cáo, bị cáo bác bỏ không công nhận và gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: H biết những người thuê đất trồng dưa và người mua dưa bắt buộc phải thu hoạch bán và vận chuyển dưa trong thời gian ngắn nhất định nếu không sẽ hư hỏng nên bị cáo Hoàng Trung H đã nảy sinh ý bằng hình thức bảo vệ ép người thuê đất trồng dưa và tài xế chở dưa phải trả cho H khoản tiền do H đưa ra thì mới cho họ bán và chở dưa ra khỏi vườn. Đầu tháng 3/2018 H rủ và bàn bạc với Mai Văn X cùng thực hiện; X đồng ý và rủ thêm Hoàng Trung S và Ứng Văn W tham gia; S, W đồng ý; sau đó H còn gặp trực tiếp X, S và W để thống nhất công việc, nhưng không phân công cụ thể cũng như số tiền H sẽ chia như thế nào do chưa xác định được sẽ lấy được bao nhiêu tiền. Trưa ngày 22/3/2018 H, X, S và W đã thực hiện hành vi ngăn cản không cho xe tải của anh Lê Văn Tư và xe tải của anh Nguyễn Văn Tâm vào bốc dưa của anh Võ Minh U, ép buộc anh U phải đồng ý giao số tiền 1.000.000 đồng/ 01 ha đất trồng dưa, 3.000.000 đồng/ 01 bãi tập kết dưa; Sau khi anh U đồng ý các bị cáo mới cho xe của anh Tư và xe của anh Tâm vào bốc dưa

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày khi H gặp và rủ thêm Bùi Chí L tham gia; L đồng ý; Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H nói X, S, W và L đi xuống bãi dưa của anh Võ Hồng Vân yêu cầu ông Vân trả 1.000.000 đồng/01 ha bảo vệ dưa; ông Vân chỉ đồng ý trả 700.000đ/ha, H không đồng ý nên yêu cầu X, S, W và L đi đến bãi dưa của anh Vân yêu cầu 02 xe tải đang bốc dưa lên xe phải dừng lại không

được bốc đưa lên xe. Do lúc này ông Vân không có mặt tại bãi đưa nên sau khi thông qua điện thoại của anh Nguyễn Văn W là thương lái mua dưa gọi cho ông Vân, ông Vân đồng ý giá mà H đưa ra thì H mới tiếp tục cho bốc đưa lên xe.

Sau đó, H dùng điện thoại di động gọi cho anh U yêu cầu anh U đưa 30.000.000đ, sau khoảng 15 phút anh U mang tiền lại chòi của anh X (chủ vườn dưa); anh U nói với H là đi mượn chỉ được có 25.000.000đ thôi rồi để tiền xuống tấm phản ở chòi của anh X; anh X cầm tiền đưa cho H. Khi anh U đưa tiền cho H còn có các bị cáo X, S, W và L. Sau khi lấy tiền của anh U thì H, X, S, W và L đi ra các bãi dưa một vòng rồi quay lại chòi của anh X chủ vườn dư uống rượu.

Trong lúc uống rượu, X nói W đi xuống vườn dưa của ông Hai Đạt cách đó khoảng 100m để lấy tiền của tài xế. W và L lấy xe của X chạy đến nơi gặp anh Lê Văn Tân là tài xế xe tải đang bốc đưa yêu cầu đưa tiền; anh Tân lấy 200.000đ đưa cho W. Lấy tiền xong, L chở W về lại chòi anh X uống rượu, W đưa cho X 200.000 đồng vừa lấy được của anh Tân.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, X cùng S, W và L chạy đến bãi dưa của ông Hai Đạt sau đó đi tiếp đến ngã tư Nông Trường thuộc thôn 4, xã Minh Hưng mua đồ ăn. Tại đây, X nói tất cả đi xuống bãi dưa của ông Vân gặp tài xế để lấy tiền xe. Đến nơi, thấy có xe ô tô tải, biển kiểm soát: 33C-018.17 của anh Lê Văn Hải, và xe ô tô tải, biển kiểm soát: 34D-007.49 của anh Lê Thanh Đức là xe mua dưa của ông Vân. L hỏi tài xế xe đâu? Do trước đó anh W đã gặp H cùng cả nhóm nên nói với anh Hải và anh Đức đưa tiền. Nghe vậy anh Hải đưa cho L 200.000 đồng rồi L đưa lại cho X còn anh Đức đưa cho X 150.000đ. Lấy tiền xong cả nhóm đi về thì bị L lượng Công an bắt quả tang. Tổng số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại U, anh Tân và anh W là 25.550.000đ.

Hành vi cản trở không cho bốc đưa lên xe ở vườn dưa của ông Võ Hồng Vân nhằm uy hiếp buộc ông Vân phải đồng ý trả cho các bị cáo 1.000.000 đồng/ha dưa và 3.000.000 đồng/bãi dưa; các bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của ông Vân thì bị Cơ quan Công an bắt giữ. Đây là nguyên nhân ngoài ý muốn của các bị cáo nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự phạm tội chưa đạt.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Hoàng Trung H, Mai Văn X, Hoàng Trung S, Bùi Chí L và Ứng Văn W đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

“Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản.

1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ L hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội có đủ năng L chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên đã phạm tội; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Trong vụ án bị cáo Hoàng Trung H giữ vai trò chính vừa là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đồng thời trực tiếp thực hiện hành vi phạm

tội; Bị cáo có 01 tiền án và có nhân thân xấu nên cần xử bị cáo mức án nghiêm đề rắn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ứng Văn W, Bùi Chí L là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, bị cáo Bùi Chí L không trực tiếp bàn bạc, tham gia ít lần hơn nên chịu mức hình phạt nhẹ hơn các bị cáo khác; Bị cáo Ứng Văn W khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nhận thức pháp luật có phần hạn chế, được hưởng quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, nên xử nhẹ hơn các bị cáo trong vụ án; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tiền của các bị hại nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Thời điểm phạm tội bị cáo Hoàng Trung H có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 98A/2015/HSST ngày 08/12/2015 chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo S, X, W, L có nhân thân tốt; người bị hại Trần Minh U có đơn xin bãi nại cho các bị cáo; bị cáo H, bị cáo S có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ; bị cáo W khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo X có ông nội là liệt sỹ. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:* Quá trình điều tra bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Trần Minh U số tiền 25.000.000đồng; Ngày 05/9/2018 anh U đã viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, không yêu cầu gì thêm; Bị hại Lê Văn Tân yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 200.000đồng, bị hại Nguyễn Văn W yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 350.000 đồng.

Các bị cáo Mai Văn X, Hoàng Trung S, Bùi Chí L và Ứng Văn W mỗi bị cáo tự nguyện nộp 1.000.000đ, tổng cộng là 4.000.000đ để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho những người bị hại. Do đây là số tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường cho các bị hại; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên tuyên mỗi bị hại được nhận số tiền 1.000.000đ là phù hợp.

[6] *Về vật chứng vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: Trả xe Mô tô Exciter, Biển kiểm soát: 93L1-000.55 cho anh Lê Xuân Thủy; Trả xe Mô tô Biển kiểm soát: 93L1-327.49 lại cho bà Võ Thị Thu Thủy; Trả xe Mô tô Biển kiểm soát: 93L1-263.24 cho bà Võ Thị Phương, việc trả lại tài sản nói trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết thêm.

Đối với điện thoại di động Nokia 1280 số Imei 356232049452070 và 01 sim điện thoại di động Viettel số sim 8984048000005372316 của bị cáo Hoàng Trung H sử dụng gọi cho bị hại Trần Minh U yêu cầu đưa tiền là phương tiện phạm tội, sử dụng vào việc phạm tội có giá trị thấp nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Số tiền 550.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo Mai Văn X khi bắt người phạm tội quả tang là tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Văn Tân và Nguyễn Văn W, nên tuyên trả lại cho anh Tân số tiền 200.000đồng, trả lại cho anh W số tiền 350.000đ.

[7] *Về tiền bảo đảm*: Số tiền 40.000.000đ mà bà Nguyễn Thị Ninh là người được bị cáo Hoàng Trung H ủy quyền nộp bảo đảm để thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” sang biện pháp ngăn chặn “Đặt tiền để bảo đảm”, nhưng đến ngày 12/10/2020 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” cho đến nay. Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H bác bỏ X bộ tài liệu, chứng cứ mà bà Ninh cung cấp; xác định các tài liệu phía bà Ninh cung cấp cho cơ quan điều tra là do bà Ninh thực hiện, cung cấp không phải do ý chí của bị cáo H nên không thuộc trường hợp vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan quy định tại khoản 2 Điều 122 Bộ luật tố tụng hình sự; Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên tuyên trả lại cho bị cáo số tiền trên là phù hợp.

[8] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Chí L bằng với bị cáo X, bị cáo S có phần nặng nên cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần để đảm bảo nguyên tắc phân hóa tội phạm; Quan điểm xử lý về các nội dung khác của vụ án của đại diện Viện kiểm sát cũng như ý kiến đề nghị của các vị luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trung H, Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ứng Văn W, Bùi Chí L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Trung H 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ 12/10/2020, được trừ thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó từ ngày 24/3/2018 đến ngày 28/9/2018 và từ ngày 23/11/2018 đến ngày 31/01/2019.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Mai Văn X và bị cáo Hoàng Trung S mỗi bị cáo 09

(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, các bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 22/3/2018 đến ngày 24/3/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Chí L 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Các điều 17, 54, 58, 65; Khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Ứng Văn W 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/01/2021).

Giao bị cáo Ứng Văn W về Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng các điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tuyên trả lại cho anh Lê Văn Tân số tiền 200.000đồng; trả lại cho anh Nguyễn Văn W số tiền 350.000đồng.

Tuyên tịch tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số Imei 356232049452070 và 01 sim điện thoại di động Viettel số sim 8984048000005372316 của bị cáo Hoàng Trung H;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009631 ngày 20/8/2018 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009798 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ứng Văn W, Bùi Chí L bồi thường cho các bị hại số tiền 4.000.000đ; Bị hại Lê Văn Tân, Nguyễn Văn W, Võ Hồng Vân và Trần Minh U mỗi người được nhận số tiền bồi thường là 1.000.000đ (một triệu đồng). (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009833 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

[4] Xử lý tiền bảo đảm: Bị cáo Hoàng Trung H được nhận lại số tiền 40.000.000đ đã nộp tại Tài khoản tạm giữ số 39490904698700000 của Công an huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Trung H, Mai Văn X, Hoàng Trung S, Ứng Văn W, Bùi Chí L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

NGUYỄN VĂN HUỆ